TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 06/2025/HS-PT
Ngày 22 tháng 7 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Trần Quốc Cường, ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Dương Thị Tuyết Trinh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025, mở phiên tòa tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 144/2025/TLPT-HS ngày 02/4/2025 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2025/HS-ST ngày 21/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2025/QĐXXPT-HS ngày 09/7/2025 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng với:

Bị cáo: Võ Thị Quế C (tên gọi khác: không); giới tính: Nữ; sinh ngày 27/8/1987 tại Đà Nẵng; nơi ĐKHKTT và nơi ở: Số D đường N, tổ F phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng); trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; nghề nghiệp: Nguyên nhân viên Công ty V1 (đã nghỉ việc từ tháng 8/2022), hiện nội trợ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Võ Văn N và bà Huỳnh Thị H, gia đình có 02 anh em; chồng Nguyễn Hữu Sơn C1 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh ngày 17/10/2022. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo theo chỉ định và phân công của Đ luật sư là Luật sư Chế Giang S, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ, có mặt.

Bị hại:

1. ông Hồ Quốc V, sinh năm 1985 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1989; cùng trú tại: số A Mỹ Đ, tổ H phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng (nay là A M, phường N, TP Đà Nẵng), đều vắng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. bà Ô Thị Hoàng L1, sinh năm 1990; trú tại: 1 đường T, tổ B phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng), có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. ông Nguyễn Hữu Sơn C1, sinh năm 1985; trú tại: nhà số D đường N, tổ F phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. bà Trần Thị Xuân D, sinh năm 1986; trú tại: Tổ F phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng), có mặt.

3. bà Lê Thị Thúy S1, sinh năm 1987; trú tại: Tổ C phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng), có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà S1 là bà Lê Thị Thúy K, sinh năm 1994; địa chỉ C L, quận H, thành phố Đà Nẵng (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng), có mặt. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà K* là Luật sư Lý Vinh H1 - Công ty L3; địa chỉ: C L, quận H, thành phố Đà Nẵng (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng), có mặt.

4. bà Phạm Thị Quỳnh T, sinh năm 1990; trú tại: nhà số D đường H, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là phường A, thành phố Đà Nẵng), có mặt.

5. bà Biện Thị H2, sinh năm 1987; trú tại: nhà số A Đ, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là phường A, thành phố Đà Nẵng), có mặt.

6. bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1993; trú tại: nhà số A A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là phường A, thành phố Đà Nẵng), có mặt.

7. ông Hoàng Q, sinh năm 1977; trú tại: nhà số A đường L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng), có mặt.

8. bà Đỗ Thị Hồng D1, sinh năm 1987; trú tại: nhà số A M, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng), có mặt.

9. bà Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1984; trú tại: nhà số A đường Q, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng).

10. ông Giao Hà Đăng K1, sinh năm 1985; trú tại: K đường Đ, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là phường T, thành phố Đà Nẵng), vắng mặt.

11. Ngân hàng TMCP Q1 chi nhánh Đ1; địa chỉ: số A L, thành phố Đà Nẵng. *Người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa* là ông Hoàng Đức H3, sinh năm 1986 - Phó phòng khách hàng cá nhân, có mặt.

12. Công ty T4; địa chỉ: Tầng H Tòa nhà G, số B P, Phường F, quận B, TP Hồ Chí Minh (*nay là T3 8,9,10 Tòa nhà Gilimex,* số B P, Phường F, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa thì nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2019, Võ Thị Quế C do có các khoản vay đến hạn nhưng mất khả năng trả nợ. Thông qua mối quan hệ quen biết với vợ chồng ông Hồ Quốc V và bà Nguyễn Thị L (cùng trú tại số A, M, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng) và bà Ông Thị Hoàng L1 (trú tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng), C đưa thông tin gian dối với ông Hồ Quốc V và bà Ô Thị Hoàng L1 về việc cần tiền làm đáo hạn ngân hàng với mức hoa hồng cao để những người này tin tưởng giao tiền. Số tiền nhận được Chi dùng trả tiền hoa hồng, tiền gốc cho ông V, bà L1, trả các khoản nợ khác hoặc sử dụng tiêu xài cá nhân. Ngoài ra, khi chưa có tiền trả theo thời hạn cam kết với ông V, bà L1, thường vào các ngày cuối tuần, C liên hệ với một số người quen gồm Trần Thị Xuân D (trú tổ F, phường K, quận C,

thành phố Đà Nẵng), Lê Thị Thúy S1 (trú tổ C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng), Phạm Thị Quỳnh T (trú 403 H, thành phố Đà Nẵng), Biện Thị H2 (trú 1258 Đ, thành phố Đà Nẵng), Hoàng Thị T1 (trú 18 A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng), Hoàng Q (trú 1 L, thành phố Đà Nẵng), Đỗ Thị Hồng D1 (trú A M, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng), Nguyễn Thị Thanh T2 (trú A Q, thành phố Đà Nẵng) để mượn tiền trả cho ông V, bà L1. Khoảng vài ngày sau, C nói dối ông V, bà L1 cần khoản tiền đáo hạn khác và sử dụng trả lại cho các cá nhân này. Cụ thể việc C nhận và chiếm đoạt tiền của vợ chồng ông Hồ Quốc V và bà Ông Thị Hoàng L1 như sau:

1. Chiếm đoạt của vợ chồng ông Hồ Quốc V số tiền 11.290.000.000 đồng: Khoảng cuối năm 2018 đến đầu năm 2019, Võ Thị Quế C vay của vợ chồng ông V 370.000.000 đồng để kinh doanh, trả tiền lãi hàng tháng 8.000.000 đồng. Đến khoảng cuối năm 2019, lúc này C làm ăn thua lỗ, mất khả năng trả tiền gốc và lãi cho vợ chồng ông V và những người khác nên C nói dối cần tiền làm đáo hạn ngân hàng với lãi suất 7 %/tháng. Do tin tưởng nên mỗi lần C yêu cầu thì vợ chồng ông V đưa tiền, việc đưa tiền được thực hiện bằng cách chuyển vào tài khoản mang tên Võ Thị Quế C số 0110167879999 tại Ngân hàng TMCP Q1 hoặc đưa tiền mặt. Từ cuối năm 2019 đến ngày 15/11/2022, ông V giao tiền cho C 44 lần, tổng cộng 11.290.000.000 đồng. Chi trả lại cho vợ chồng ông V được 10.095.700.000 đồng, còn chiếm đoạt 1.194.300.000 đồng.

2. Chiếm đoạt của bà Ô Thị Hoàng L1 số tiền 10.751.925.000 đồng: Bà L1 là đồng nghiệp trước đây với C tại Chi nhánh Đ1. Khoảng tháng 7/2020, C mất khả năng trả các món nợ của vợ chồng ông V, món nợ trước đó vay bà L1 và những người khác nên nói dối với bà L1 cần tiền làm đáo hạn ngân hàng với hoa hồng 7%/tháng. Do tin tưởng C nên mỗi lần có yêu cầu, bà L1 đưa tiền mặt hoặc chuyển khoản vào các tài khoản mang tên Võ Thị Quế C số 0110167879999 và số 3010101695506 tại Ngân hàng TMCP Q1 hoặc đưa tiền mặt. Từ tháng 7/2020 đến ngày 23/9/2022, bà L1 giao tiền cho C 41 lần, tổng cộng 10.557.000.000 đồng. Ngoài ra, quá trình giao nhận tiền, C nói dối với bà L1 có một số khoản cho vay đáo hạn không có lời nên đề nghị bà L1 chuyển lại tiền hoa hồng, bà L1 tin là thật nên chuyển cho C 194.925.000 đồng. Chi trả lại cho bà L1 được 8.441.750.000, còn chiếm đoạt 2.310.175.000 đồng. Tổng cộng Võ Thị Quế C nhận và chiếm đoạt của vợ chồng ông Hồ Quốc V và bà Ông Thị Hoàng L1 22.041.925.000 đồng, Chi trả lại được 18.537.450.000 đồng, còn chiếm đoạt 3.504.475.000 đồng.

Quá trình điều tra đã chứng minh được từ tháng 9/2022 đến cuối tháng 11/2022 bị can Võ Thị Quế C đã dùng tiền chiếm đoạt được của ông V, bà L1 thông qua 02 số tài khoản 0110167879999 và 3010106955006 nhiều lần chuyển khoản trả tiền cho bà Trần Thị Xuân D số tiền 457.678.999 đồng (14 lần); trả cho bà Lê Thị Thúy S1 số tiền 234.094.000 đồng (09 lần); trả cho bà Phạm Thị Quỳnh T số tiền 165.408.000 đồng (07 lần); trả cho bà Biện Thị Hằng S2 tiền 393.500.000 đồng (10 lần); trả cho Hoàng Q số tiền 20.000.000 đồng (02 lần); trả cho Hoàng Thị T1 số tiền 409.115.000 đồng (13 lần); trả cho Nguyễn Thị Thanh T2 số tiền 255.500.000 đồng (08 lần); trả cho Đỗ Thị Hồng D1 số tiền 90.000.000 đồng (01 lần); trả cho thẻ tín dụng 3564100139376778 Ngân hàng Q1 chi nhánh Đ1 số tiền

55.800.000 đồng (15 lần); trả vay tín dụng của Công ty TNHH T4 số tiền 22.560.177 đồng (03 lần); trả vay nóng cho 2 người không rõ lai lịch số tiền 500.000.000 đồng. Những người liên quan trên khai: Đây là tiền mà Võ Thị Quế C vay mượn sau đó chuyển khoản trả, họ hoàn toàn không biết đây là tiền do C phạm tội mà có; sau khi chuyển khoản trả nợ thì 02 ngày hoặc 07 ngày sau C lại mượn lại, việc vay mượn trên cơ sở tin tưởng chứ không có giấy tờ xác nhận; cơ quan điều tra cho rằng không đủ căn cứ để buộc những người này giao nộp lại tiền để đảm bảo nghĩa vụ bồi thường của bị cáo.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2025/HS-ST ngày 21/02/2025, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Tuyên bố bị cáo Võ Thị Quế C phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1. Căn cứ: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Võ Thị Quế C 14 (Mười bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Võ Thị Quế C phải bồi thường cho vợ chồng ông Hồ Quốc V và bà Nguyễn Thị L số tiền là 1.194.300.000 đồng (Một tỷ, một trăm chín mươi tư triệu, ba trăm nghìn đồng); bồi thường cho bà Ông Thị Hoàng L1 số tiền là 2.310.175.000 đồng (Hai tỷ, ba trăm mười triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Tổng cộng, số tiền phải bồi thường là 3.504.475.000 đồng (Ba tỷ, năm trăm lẻ tư triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà bị cáo Võ Thị Quế C chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về biện pháp tư pháp bảo đảm việc bồi thường: Căn cứ Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Buộc bà Trần Thị Xuân D nộp lại số tiền 457.678.999 đồng (Bốn trăm năm mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng), bà Lê Thị Thúy S1 nộp lại số tiền 234.094.000 đồng (Hai trăm ba mươi tư triệu, không trăm chín mươi tư nghìn đồng), bà Phạm Thị Quỳnh T nộp lại số tiền 165.408.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm lẻ tám nghìn đồng), bà Biện Thị H2 nộp lại số tiền 393.500.000 đồng (Ba trăm chín mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng), ông Hoàng Q nộp lại số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), bà Hoàng Thị T1 nộp lại số tiền 409.115.000 đồng (Bốn trăm lẻ chín triệu, một trăm mười lăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị Thanh T2 nộp lại số tiền 255.500.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng) và bà Đỗ Thị Hồng D1 nộp lại số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) để đảm bảo thi hành án, khấu trừ vào nghĩa vụ bồi thường của bị cáo Võ Thị Quế C cho các bị hại Hồ Quốc V - Nguyễn Thị L và bà Ông Thị Hoàng L1.

Giành quyền khởi kiện vụ án dân sự về việc vay mượn tiền cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên đối với Võ Thị Quế C trong vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định, hướng dẫn án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Võ Thị Quế C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 102.089.500 đồng (Một trăm lẻ hai triệu, không trăm tám mươi chín nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Bị cáo Võ Thị Quế C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại bà Ông Thị Hoàng L1 kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Võ Thị Quế C và buộc bị cáo C bồi thường thêm số tiền lãi 808.500.000 đồng + 2.310.000.000 đồng tiền gốc chiếm đoạt, tổng cộng yêu cầu bị cáo C bồi thường 3.118.500.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Trần Thị Xuân D, bà Lê Thị Thúy S1, bà Phạm Thị Quỳnh T, bà Biện Thị H2, bà Hoàng Thị T1, bà Đỗ Thị Hồng D1, bà Nguyễn Thị Thanh T2, kháng cáo không đồng ý quyết định tại Bản án sơ thẩm buộc họ nộp lại số tiền đã nhận chuyển khoản từ bị cáo Võ Thị Quế C với lý do họ cũng là bị hại vì sau khi bị cáo C đã mất khả năng chi trả từ cuối năm 2019 thì đến năm 2022 bị cáo C cũng lừa đảo để vay được tiền của họ, đồng thời số tiền bị cáo C chuyển vào tài khoản trả họ không bằng số tiền bị cáo C đã lừa đảo chiếm đoạt của họ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Võ Thị Quế C giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại bà Ông Thị Hoàng L1 giữ nguyên kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Võ Thị Quế C, rút kháng cáo về yêu cầu buộc bị cáo Chi trả lãi đối với số tiền bị cáo C còn chiếm đoạt của bà L1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Trần Thị Xuân D, bà Lê Thị Thúy S1, bà Phạm Thị Quỳnh T, bà Biện Thị H2, bà Hoàng Thị T1, bà Đỗ Thị Hồng D1, bà Nguyễn Thị Thanh T2 giữ nguyên kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm tuyên không buộc họ phải trả lại số tiền bị cáo C đã chuyển khoản trả họ.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Đối với kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và kháng cáo của bị hại đề nghị tăng hình phạt với bị cáo thì đề nghị không chấp nhận, giữ nguyên mức hình phạt 14 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo. Đối với kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị chấp nhận để sửa lại bản án sơ thẩm, không truy thu buộc những người này phải nộp lại tiền để trả bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

[1] Tại cấp phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xuất trình các bản sao kê tài khoản của họ mở tại Ngân hàng Q1 chi nhánh Đ1 có giao dịch với 2 hai tài khoản số 3010106955006 và số 0110167879999 của bị cáo C mở tại Ngân hàng Q1 chi nhánh Đ1 (sau đây viết tắt là MB) thể hiện:

- Từ ngày 11/8/2022 đến ngày 26/11/2022 bà Biện Thị H2 từ tài khoản MB số 3010133865008 của bà H2 đã 8 lần chuyển khoản vào 2 tài khoản MB số 3010106955006 và số 0110167879999 của bị cáo Võ Thị Quế C tổng số tiền **620.000.000 đồng** (ngày 11/8/2022 chuyển vào tài khoản MB số 3010106955006 của bị cáo C số tiền 100.000.000đồng; ngày 01/10/2022 chuyển vào tài khoản MB số 3010106955006 của bị cáo C số tiền 150.000.000đồng; ngày 01/10/2022 chuyển vào tài khoản MB số 3010106955006 của bị cáo C số tiền 50.000.000đồng; ngày 11/10/2022 bà H2 2 lần chuyển vào tài khoản MB số 0110167879999 của bị cáo C tổng số tiền 150.000.000 đồng; ngày 14/10/2022 chuyển vào tài khoản MB số 3010106955006 của bị cáo C số tiền 100.000.000đồng; ngày 09/11/2022 chuyển vào tài khoản MB số 3010106955006 của bị cáo C số tiền 40.000.000đồng; ngày 22/11/2022 chuyển vào tài khoản MB số 3010106955006 của bị cáo C số tiền 30.000.000 đồng). Đồng thời trong khoảng thời gian từ 25/8/2022 đến 30/11/2022 bị cáo C từ 2 tài khoản MB mình số 3010106955006 và số 0110167879999 của bị cáo C đã 14 lần chuyển vào tài khoản MB số 3010133865008 của bà H2 tổng số tiền **408.500.000** đồng (từ tài khoản MB số 3010106955006 bị cáo C chuyển vào tài khoản MB 3010133865008 của bà H2: + ngày 15/9/2022 chuyển 15.000.000đồng; + ngày 30/9/2022 chuyển 10.000.000đồng; + ngày 05/10/2022 chuyển 15.000.000đồng; + ngày 25/10/2022 chuyển 2 tổng số tiền 13.500.000 đồng; + ngày 29/10/2022 chuyển 15.000.000đ; + ngày 11/11/2022 chuyển 40.000.000đ; từ tài khoản MB số 0110167879999 của mình bị cáo C chuyển vào tài khoản MB 3010133865008 của bà H2: + ngày 25/8/2022 chuyển 15.000.000đ; + ngày 26/9/2022 chuyển 29.000.000đ; + ngày 11/10/2022 chuyển 4 lần tổng số tiền 251.000.000 đồng; + ngày 26/11/2022 chuyển 5.000.000đ). Như vậy, từ ngày 11/8/2022 đến ngày 26/11/2022 bà H2 chuyển cho bị cáo C **620.000.000 đồng**, bị cáo C chuyển cho bà H2 **408.500.000** đồng nên sơ bộ có cơ sở xác định bị cáo C còn chiếm đoạt của bà H2 211.500.000 đồng; Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ một chiều từ việc bị cáo C từ 2 tài khoản MB số 3010106955006 và số 0110167879999 của mình chuyển vào tài khoản MB số 3010133865008 của bà H2 393.500.000 đồng để truy thu buộc bà H2 nộp lại để trả bị hại là chưa đủ căn cứ.

- Từ ngày 25/10/2022 đến ngày 24/11/2022 từ tài khoản MB số 3010106970005 của mình, bà S1 đã 14 lần chuyển vào 2 tài khoản MB số 3010106955006 và số 0110167879999 của bị cáo C tổng số tiền **296.000.000 đồng**; đồng thời cũng trong thời gian trên từ 2 tài khoản MB số 3010106955006

và số 0110167879999 của mình, bị cáo C đã chuyển khoản vào tài khoản MB số 3010106970005 của bà S1 14 lần tổng số tiền **236.094.000 đồng**, đối trừ thì bị cáo C còn chiếm đoạt của bà S1 59.906.000 đồng. Bà S1 còn trình bày tra soát giao dịch chuyển khoản giữa bị cáo C với bà S1 thì bà S1 thấy trong những ngày bị cáo C giao dịch với bà S1 không có ngày nào bị cáo C nhận tiền của bị hại rồi chuyển tiếp cho bà S1, hơn nữa ngày 31/10/2022 bị cáo C nhận của bà S1 50.000.000 đồng và nhận chuyển khoản của một số người khác rồi cùng ngày bị cáo C 2 lần chuyển vào tài khoản của bị hại là bà Ông Thị Hoàng L1 tổng số tiền 330.000.000 đồng (130T+200T); mặt khác, giao dịch chuyển khoản giữa bà S1 với bị cáo C đã được Cơ quan điều tra thu thập lưu trong hồ sơ vụ án (bút lục 701-703); vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ một chiều từ việc bị cáo C từ 2 tài khoản MB số 3010106955006 và số 0110167879999 của mình chuyển vào tài khoản MB số 3010133865008 của bà H2 234.094.000 đồng để truy thu buộc bà S1 nộp lại 234.094.000 đồng để trả bị hại là chưa đủ căn cứ.

- Đối với bà Trần Thị Xuân D thì bà Xuân D xuất trình tài liệu chứng minh bà D đưa tiền mặt (có giấy biên nhận) và chuyển khoản từ tháng 8/2022 đến tháng 11/2022 cho bị cáo C 9 lần tổng số tiền **1.014.800.000 đồng**; bị cáo C mới chuyển khoản trả bà D **457.678.999 đồng** nên còn chiếm đoạt của bà D 557.121.001 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ một chiều từ việc bị cáo C từ 2 tài khoản MB số 3010106955006 và số 0110167879999 của mình chuyển khoản trả bà D 457.678.999 đồng để truy thu buộc bà Xuân D nộp lại 457.678.999 đồng trả bị hại là chưa đủ căn cứ.

- Từ ngày 05/7/2022 đến ngày 07/11/2022 bà Nguyễn Thị Thanh T2 đã 6 lần chuyển khoản vào tài khoản MB số 3010106955006 của bị cáo C tổng số tiền 189.000.000 đồng và chuyển khoản vào tài khoản Vietttel Money số điện thoại 0989161185 của bị cáo C 9 lần tổng số tiền 556.000.000 đồng, tổng cộng **744.800.000 đồng**; bị cáo C từ 2 tài khoản MB số 3010106955006 và số 0110167879999 của mình 12 chuyển khoản trả bà T2 tổng số tiền **480.000.000 đồng** nên bị cáo C còn chiếm đoạt của bà T2 264.800.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ một chiều từ việc bị cáo C từ 2 tài khoản MB số 3010106955006 và số 0110167879999 của mình chuyển khoản trả bà T2 255.500.000 đồng để truy thu buộc bà T2 nộp lại 255.500.000 đồng để trả bị hại là chưa đủ căn cứ.

- Đối với bà Đỗ Thị Hồng D1 thì bà Hồng D1 xuất trình sao kê ngân hàng chứng minh từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/01/2022 bà Hồng D1 đã chuyển vào tài khoản MB số 3010106955006 của C 90.000.000 đồng, ngày 07/11/2022 bị cáo C từ tài khoản MB số 3010106955006 chuyển trả bà T2 90.000.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ một chiều từ việc bị cáo C từ tài khoản MB số 3010106955006 chuyển khoản trả bà Hồng D1 90.000.000 đồng để truy thu buộc bà Hồng D1 nộp lại 90.000.000 đồng trả bị hại là chưa đủ cơ sở.

- Đối với bà Phạm Thị Quỳnh T thì bà T xuất trình sao kê ngân hàng thể hiện từ ngày 27/6/2022 đến ngày 21/11/2022 bà T đã 5 lần chuyển vào 2 tài khoản MB số 5006 và số 9999 của bị cáo C tổng số tiền **340.000.000 đồng** và C qua 2 số tài khoản này 15 lần chuyển khoản trả bà T số tiền **264.908.000 đồng** nên C còn chiếm

đoạt của bà T 75.092.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ một chiều từ việc bị cáo C từ 2 tài khoản MB số 3010106955006 và số 0110167879999 của mình chuyển khoản trả bà T 165.408.000 đồng để truy thu buộc bà T nộp lại 165.408.000 đồng để trả bị hại là chưa đủ cơ sở.

- Đối với bà Hoàng Thị T1 thì bà T1 xuất trình sao kê Ngân hàng chứng minh từ ngày 15/9/2022 đến ngày 15/11/2022 bà T1 13 lần chuyển vào 2 tài khoản MB số 5006 và số 9999 của bị cáo C tổng số tiền **496.000.000 đồng**, bị cáo C chuyển khoản trả bà T1 13 tổng số tiền **409.115.000 đồng**, bị cáo C còn chiếm đoạt của bà T1 86.885.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ một chiều từ việc bị cáo C từ 2 tài khoản MB số 3010106955006 và số 0110167879999 của mình chuyển khoản trả bà T1 409.115.000 đồng để truy thu buộc bà T1 nộp lại 409.115.000 đồng để trả bị hại là chưa đủ cơ sở.

[2] Kết luận điều tra, Cáo trạng và Bản án sơ thẩm (phần đầu ghi lại, phần nhận định không phản bác tức mặc nhiên công nhận) đều xác định *"Khoảng cuối năm 2019, Võ Thị Quế C do có các khoản vay đến hạn nhưng mất khả năng trả nợ, thông qua mối quan hệ quen biết với vợ chồng ông Hồ Quốc V và bà Nguyễn Thị L và bà Ô Thị Hoàng L1, C đưa thông tin gian dối với ông V và bà L1 về việc cần tiền làm đáo hạn ngân hàng với mức hoa hồng cao để những người này tin tưởng giao tiền, số tiền nhận được Chi dùng trả tiền hoa hồng, tiền gốc cho ông V, bà L1, trả các khoản nợ khác hoặc sử dụng tiêu xài cá nhân. Ngoài ra, khi chưa có tiền trả theo thời hạn cam kết với ông V, bà L1, thường vào các ngày cuối tuần, C liên hệ với một số người quen gồm Trần Thị Xuân D, Lê Thị Thúy S1, Phạm Thị Quỳnh T, Biện Thị H2, Hoàng Thị T1, Hoàng Q, Đỗ Thị Hồng D1, Nguyễn Thị Thanh T2 để mượn tiền trả cho ông V, bà L1, khoảng vài ngày sau, C nói dối ông V, bà L1 cần khoản tiền đáo hạn khác và sử dụng trả lại cho các cá nhân này."*. Tại phiên tòa phúc thẩm, những người mà cấp sơ thẩm xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nay kháng cáo (*bà Trần Thị Xuân D, bà Lê Thị Thúy S1, bà Phạm Thị Quỳnh T, bà Biện Thị H2, bà Hoàng Thị T1, bà Đỗ Thị Hồng D1, bà Nguyễn Thị Thanh T2*) trình bày từ đầu năm 2022 bị cáo C đưa ra thông tin gian dối cần tiền đáo hạn ngân hàng, trả lãi cao để lừa vay tiền của họ, đồng thời xuất trình tài liệu sao kê của Ngân hàng chứng minh số tiền trong năm 2022 bị cáo C chuyển tài khoản trả họ chưa bằng số tiền bị cáo C lừa đảo chiếm đoạt của họ nên họ cũng là bị hại. Xét thấy, các cơ quan tố tụng đã xác định bị cáo C đã mất khả năng thanh toán từ cuối năm 2019, Cơ quan điều tra mặc dù đã thu thập sao kê hai tài khoản MB số 301016955066 và số 0110167879999 của bị cáo C (bút lục 579-732) nội dung thể hiện sau khi đã mất khả năng thanh toán thì năm 2022 bị cáo C vẫn có các giao dịch vay, trả tiền với những người được xác định là có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nhưng Cơ quan Điều tra chỉ hỏi bị cáo C còn nợ họ không, trả lời còn nợ nhưng do đã lâu nên không nhớ cụ thể nên chưa yêu cầu bị cáo Chi trả (bút lục 478-500), lẽ ra, với các sao kê đã thu thập trên, các cơ quan tố tụng phải hỏi họ và bị cáo để làm rõ khoản tiền nào bị cáo C đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt thì phải buộc bị cáo C chịu trách nhiệm hình sự mới đúng pháp luật, nhưng các cơ quan tố tụng chưa điều tra làm rõ, chưa truy tố là bỏ lọt hành vi phạm tội, đồng thời chưa tính toán khấu trừ tiền giao dịch giữa bị cáo

C với từng người là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi người, chưa đúng pháp luật.

[3] Kết luận điều tra, Cáo trạng và Bản án sơ thẩm đều xác định C sử dụng một phần khoản tiền vay vợ chồng ông V và bà L1 để trả lãi cao cho chính vợ chồng ông V và bà L1 và sử dụng một phần trả các khoản nợ khác và chi tiêu cá nhân "*khi chưa có tiền trả theo thời hạn cam kết với ông V, bà L1, thường vào các ngày cuối tuần, C liên hệ với một số người quen gồm Trần Thị Xuân D, Lê Thị Thúy S1, Phạm Thị Quỳnh T, Biện Thị H2, Hoàng Thị T1, Hoàng Q, Đỗ Thị Hồng D1, Nguyễn Thị Thanh T2 để mượn tiền trả cho ông V, bà L1, khoảng vài ngày sau, C nói dối ông V, bà L1 cần khoản tiền đáo hạn khác và sử dụng trả lại cho các cá nhân này*" và sao kê từ 2 tài khoản của bị cáo C mở tại Ngân hàng Q1 và số 0110167879999 đã được thu thập trong hồ sơ vụ án thể hiện năm 2022 khi đã mất khả năng thanh toán, bị cáo C vẫn có các giao dịch vay, trả tiền với bà Trần Thị Xuân D, bà Lê Thị Thúy S1, bà Phạm Thị Quỳnh T, bà Biện Thị H2, bà Hoàng Thị T1, bà Đỗ Thị Hồng D1, bà Nguyễn Thị Thanh T2 (những người được các cơ quan tố tụng sơ thẩm xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan). Xét, bị cáo Chi dùng tiền vay của những được cấp sơ thẩm xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả bị hại là vợ chồng ông V và bà L1, rồi lại lừa vay bị hại để trả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; do đó, phải điều tra làm rõ bị cáo C sử dụng bao nhiêu tiền vay của mỗi bị hại trả cho mỗi người liên quan, rồi lại dùng bao nhiêu tiền của mỗi người liên quan để trả mỗi bị hại, sau đó, khấu trừ thì mới có căn cứ buộc truy thu đối với mỗi người liên quan; nếu không điều tra làm rõ được thì phải xác định những người được cấp sơ thẩm xác định là người liên quan cũng là người bị hại vì bị cáo C lừa vay họ sau khi đã mất khả năng thanh toán.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm mặc dù xác định bị cáo C đã chuyển thanh toán cho khoản vay tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1, chi nhánh Đ1 và chuyển khoản thanh toán cho khoản vay tín dụng của Công ty TNHH H4, nhưng lại nhận định các khoản vay có thật, hiện nay bị cáo vẫn còn đang nợ 02 tổ chức tín dụng trên nên không có căn cứ để thu hồi là giải quyết không đúng quy định của pháp luật về nguyên tắc truy thu vật, tiền liên quan đến tội phạm, đồng thời không công bằng với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án bị buộc truy thu.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định số 31/2024/HSST ngày 30/9/2024 (bút lục 791) trả hồ sơ để điều tra bổ sung: *"1. Điều tra làm rõ tiền mà Chi dùng để trả nợ là tiền gì, có phải tiền do phạm tội chiếm đoạt được của 2 bị hại mà có không, cần phải có biện pháp truy thu đúng tiền do phạm tội mà có để trả nợ..."*, nhưng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng không trả hồ sơ cho cơ quan Điều tra mà trả lời (bl 801) tiền bị cáo Chi trả những người liên quan là tiền chiếm đoạt của các bị hại trong vụ án; do đó, cấp sơ thẩm không có lỗi khi vụ án bị hủy để điều tra lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự hủy bản án hình sự sơ thẩm số 22/2025/HS-ST ngày 21/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng để điều tra lại theo thủ tục chung quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- Viện công tố và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp Đà Nẵng (kèm hồ sơ vụ án để điều tra lại);
- Trại tạm giam Công an Tp Đà Nẵng;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Tp Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự Tp Đà Nẵng;
- Bị cáo (thông qua trại tạm giam);
- Bị hại, những người liên quan;
- Lưu: Phòng lưu trữ; Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Kim Nhân